TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YL **TỈNH PHÚ THỌ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 23/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 29/6/2023
V/v "*Tranh chấp về hôn nhân và gia đình"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YL, TỈNH PHÚ THỌ

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Tuấn Anh
Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Minh Nguyệt
Ông Hoàng Trọng Lượng

Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Hải - Thư ký viên Toà án nhân dân huyện YL, tỉnh Phú Thọ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện YL, tỉnh Phú Thọ tham gia phiên tòa: Ông Hoàng Liên S - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 6 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện YL, tỉnh Phú Thọ. Xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 67/2023/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 4 năm 2023 về "*Tranh chấp về hôn nhân và gia đình"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 23/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 6 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Nguyễn Đức K, sinh năm 1986.

Bị đơn: Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1989.

Cùng địa chỉ: Khu Đ, xã N, huyện YL, tỉnh Phú Thọ.

(Anh K có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, chị T vắng mặt lần 2).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Nguyên đơn anh Nguyễn Đức K trình bày tại đơn khởi kiện, bản tự khai và các biên bản làm việc tại Tòa án như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Nguyễn Thị T tự nguyện tìm hiểu, kết hôn với nhau, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện YL, tỉnh Phú Thọ ngày 30/10/2008. Thời gian đầu kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2017 thì vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do chị T đã tự bỏ về gia đình bố mẹ đẻ sinh sống. Vợ chồng đã sống ly thân đó đến nay không còn quan tâm đến nhau nữa. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, nên đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị T.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên là Nguyễn Thị Hoàn M, sinh ngày 23/9/2008 và Nguyễn Ngọc S, sinh ngày 21/11/2013. Sau khi ly hôn anh xin được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung và tự nguyện không yêu cầu chị T cấp

dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, công nợ, công sức: Anh không đề nghị Tòa án giải quyết.

2. Bị đơn chị Nguyễn Thị T đã được Tòa án thông báo về việc thụ lý vụ án và nhận được các giấy triệu tập và thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa hợp lệ thông qua anh Nguyễn Đình Th là anh trai chị T biết, nhưng trong quá trình giải quyết vụ án chị T không lần nào đến Tòa án để tham gia tố tụng vì thế không có quan điểm của mình về việc giải quyết vụ án. Thông qua anh Th, chị T có quan điểm: Vợ chồng đã sống ly thân từ lâu, không còn tình cảm nữa nên chị đồng ý ly hôn. Vợ chồng có 02 con chung tên là Nguyễn Thị Hoàn M, sinh ngày 23/9/2008 và Nguyễn Ngọc S, sinh ngày 21/11/2013. Sau khi ly hôn chị nhất trí để anh K được trực tiếp nuôi dưỡng cả 02 con chung, việc anh K không yêu cầu cấp dưỡng, chị T đồng ý.

3. Tại các bản tự khai của con chung là cháu Nguyễn Thị Hoàn M và Nguyễn Ngọc S đều có quan điểm nếu bố mẹ cháu ly hôn thì cháu xin được ở với bố.

4. Tại biên bản làm việc với Trưởng khu, Tư pháp và đại diện UBND xã N có nội dung:

Vợ chồng anh K, chị T có đăng ký kết hôn từ năm 2008 tại UBND xã N và chung sống tại khu Đ, xã N đến năm 2019 thì xảy ra mâu thuẫn, chị T về nhà bố mẹ đẻ sinh sống, vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay. Về con chung thì vợ chồng có 02 con chung, nay do anh K đang trực tiếp nuôi dưỡng. Đề nghị Tòa án căn cứ vào tình trạng hôn nhân giữa anh K và chị T để giải quyết vụ án đảm bảo quyền lợi cho các bên đương sự.

5. Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện YL, tỉnh Phú Thọ phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký, nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định của pháp luật trong quá trình thu thập, đánh giá chứng cứ từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử vụ án. Bị đơn chưa chấp hành đầy đủ quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử tiến hành tố tụng đúng quy định của pháp luật. Tòa án đã lập thủ tục cấp, tống đạt, thông báo đầy đủ văn bản tố tụng, đúng quy định pháp luật cho phía bị đơn.

Về nội dung vụ án đề nghị hướng giải quyết như sau:

Áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 1 Điêu 28, khoản 1 Điều 35, Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228, điểm a, b khoản 1 Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Đức K được ly hôn chị Nguyễn Thị T.

Về con chung: Giao cả 02 con chung tên là Nguyễn Thị Hoàn M, sinh ngày 23/9/2008 và Nguyễn Ngọc S, sinh ngày 21/11/2013 cho anh K được trực tiếp nuôi dưỡng, anh K không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

Về án phí ly hôn sơ thẩm: Anh Nguyễn Đức K phải chịu theo quy định pháp

luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Căn cứ đơn khởi kiện của anh Nguyễn Đức K, Hội đồng xét xử xác định đây là vụ án *"Tranh chấp hôn nhân và gia đình"*. Bị đơn chị Nguyễn Thị T đang cư trú tại xã N, huyện YL, tỉnh Phú Thọ. Căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm giải quyết của Tòa án nhân dân huyện YL, tỉnh Phú Thọ.

[2] *Tại phiên tòa hôm nay* nguyên đơn anh Nguyễn Đức K vắng mặt, tuy nhiên anh đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Bị đơn chị Nguyễn Thị T vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Vì vậy, căn cứ theo quy định tại điểm a, b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, điểm a, b khoản 1 Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt tất cả các bên đương sự.

[3] *Về quan hệ hôn nhân:* Anh Nguyễn Đức K và chị Nguyễn Thị T tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện YL, tỉnh Phú Thọ, ngày 30/10/2008, đây là hôn nhân hợp pháp. Tòa án đã tiến hành xác minh tình trạng hôn nhân giữa anh Nguyễn Đức K và chị Nguyễn Thị T được đại diện khu dân cư và Ủy ban nhân dân xã N cho biết nguyên nhân mẫu thuẫn giữa anh K và chị T do vợ chồng đã sống ly thân từ lâu, không quan tâm đến nhau. Điều đó chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, hôn nhân không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Chị T thông qua anh trai tên là Th cũng đồng ý ly hôn. Do vậy cần xử cho anh K được ly hôn chị T là phù hợp thực tế và đúng với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[4] *Về con chung:* Vợ chồng có 02 con chung tên là Nguyễn Thị Hoàn M, sinh ngày 23/9/2008 và Nguyễn Ngọc S, sinh ngày 21/11/2013, hiện nay các con chung đang ở với anh K, chị T cũng có quan điểm đồng ý để anh K nuôi và yêu cầu đó cũng phù hợp với nguyện vọng của các con chung. Do vậy cần giao cho anh K trực tiếp nuôi dưỡng các con chung, anh K tự nguyện không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

[5] *Về tài sản chung, công nợ, công sức:* Anh K không đề nghị Tòa án giải quyết.

[6] *Về án phí ly hôn sơ thẩm*: Anh K phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 khoản 4 Điều 147, điểm a, b khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228, điểm a, b khoản 1 Điều 238, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 58, khoản 1, khoản 2 Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu,

nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Đức K được ly hôn chị Nguyễn Thị T.

2. Về con chung: Giao cả 02 con chung tên là Nguyễn Thị Hoàn M, sinh ngày 23/9/2008 và Nguyễn Ngọc S, sinh ngày 21/11/2013 cho anh K được trực tiếp nuôi dưỡng, chị T không phải cấp dưỡng nuôi con chung vì anh K không yêu cầu. Chị T được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, công nợ, công sức: Anh K không đề nghị Tòa án giải quyết.

4. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Anh Nguyễn Đức K phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng). Xác nhận anh Nguyễn Đức K đã nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tại biên lai thu tạm ứng án phí Tòa án số AA/2020/0008649 ngày 10/4/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện YL, tỉnh Phú Thọ. Anh K đã nộp đủ án phí.

Các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:
- VKSND huyện YL;
- Chi cục THADS huyện YL;
- UBND xã N,
huyện YL, tỉnh Phú Thọ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Phạm Tuấn Anh